

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định một số điểm về điều hành dự toán
ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021 về việc ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình; Nghị quyết số 80/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021; Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2023; Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc quyết định phân bổ ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2023.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 92/STC-NS ngày 12/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số điểm về điều hành dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình năm 2023.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh đơn đốc các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, các đơn vị của tỉnh và UBND các huyện, thành phố thực hiện Quyết định này và thường xuyên tổng hợp tình hình, kết quả, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

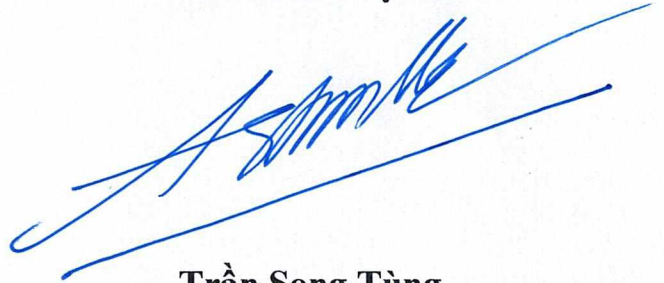
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, các đơn vị của tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / le

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, VP5, các VP..
- PTT_VP5_QĐUB

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Song Tùng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số điểm về điều hành dự toán
ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình năm 2023**
(Kèm theo Quyết định số **45** /QĐ-UBND ngày **17**/01/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ngân sách nhà nước được quy định cụ thể tại Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định có liên quan. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình và Nghị quyết số 80/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Các tổ chức, cá nhân, kể cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên địa bàn có nghĩa vụ nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; quản lý, sử dụng các khoản vốn, kinh phí do ngân sách nhà nước cấp theo đúng mục đích, đúng chế độ quy định, tiết kiệm và có hiệu quả.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tổ chức quản lý thu ngân sách nhà nước

Tổ chức quản lý thu NSNN theo đúng quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn thi hành và Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2023 và các văn bản có liên quan. Trong đó lưu ý một số nội dung sau:

1. Tổ chức thực hiện đúng quy định tại Điều 55 Luật Ngân sách nhà nước; đồng thời, lưu ý triển khai một số nội dung sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định pháp luật về thuế có hiệu lực thi hành, chống thất thu thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thương mại; đôn đốc thu hồi nợ thuế, giảm nợ đọng thuế; kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng; đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp.

- Tập trung thực hiện nghiêm các Chương trình, Kế hoạch của tỉnh đã ban hành như: Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 28/8/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững (Chương trình hành động số 15-CTr/TU); Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Ninh Bình; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 11/01/2018 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/BCSĐ ngày 11/02/2018 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về tăng cường chỉ đạo triển khai thực hiện các giải pháp về lĩnh vực thuế, phí, hải quan, bảo hiểm xã hội; Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch 17/KH-UBND ngày 31/01/2019 thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/BCSĐ ngày 07/01/2019 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về tăng cường các giải pháp nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 09/8/2019 thực hiện Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 19/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 31/3/2020 về triển khai thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Ninh Bình; Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 98-NQ/BSCĐ ngày 24/5/2021 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 và những năm tiếp theo, Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 12/7/2021 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;...

2. Cơ quan Thuế, Hải quan tiếp tục cải cách thủ tục hành chính về thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế, việc khai báo tên hàng, mã hàng, thuế suất, trị giá, số lượng,... để phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, trong đó tập trung vào các lĩnh vực thu từ đất đai, khoáng sản; thu từ các dự án hết thời gian ưu đãi, thu từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số,...

Chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, chống thất thu, chống chuyển giá, trốn thuế; gian lận thương mại; đôn đốc thu hồi nợ thuế, giảm

nợ đọng thuế; kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng; đẩy nhanh thực hiện hóa đơn điện tử. Cục Thuế tỉnh phối hợp chặt chẽ với Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, các Ban quản lý dự án, UBND các huyện, thành phố thực hiện khấu trừ tiền nợ thuế thông qua giải ngân vốn đối với các doanh nghiệp chây ỳ, nợ thuế. Đẩy mạnh việc đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, cập nhật trên trang Website của ngành thuế các trường hợp nợ đọng thuế lớn, kéo dài.

Thường xuyên theo dõi, phân tích, đánh giá cụ thể kết quả thu NSNN, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh và những yếu tố tác động; chỉ rõ những nguồn thu, đơn vị, địa bàn thu thấp, xác định rõ nguyên nhân, trên cơ sở đó đề ra giải pháp điều hành thu phù hợp. Đồng thời chỉ ra những khoản thu, địa bàn còn tiềm năng để khai thác. Tiếp tục triển khai các chính sách ưu đãi thuế theo quy định. Thực hiện thu đúng, thu đủ kịp thời các nguồn thu phát sinh, động viên hợp lý các khoản thu vào ngân sách Nhà nước nhằm khuyến khích sản xuất kinh doanh phát triển, tăng tích lũy, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu. Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp; đôn đốc các doanh nghiệp nộp thuế đầy đủ vào ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, UBND các huyện, thành phố triển khai đầy đủ, kịp thời Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; thực hiện nghiêm Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật. Tổ chức rà soát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, máy móc, thiết bị bảo đảm theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công. Thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai.

4. Để đảm bảo ổn định trong việc điều hành ngân sách, nâng cao kỷ cương, trách nhiệm, tính chủ động, công khai minh bạch trong việc quản lý nguồn thu và thực hiện tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh, cơ quan Thuế và cơ quan Kho bạc Nhà nước các cấp có trách nhiệm:

- Cục Thuế tỉnh không thực hiện thay đổi phân công cơ quan thuế quản lý trực tiếp đối với người nộp thuế trên địa bàn tỉnh. Trường hợp đặc biệt cần thực hiện thay đổi phân công cơ quan thuế quản lý trực tiếp đối với người nộp thuế trên địa bàn tỉnh, Cục Thuế tỉnh xây dựng phương án, báo cáo UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

- Cục Thuế tỉnh gửi danh bạ các doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức có sản xuất kinh doanh, cá nhân khác do Cục Thuế tỉnh là cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật đến UBND tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh và Sở Tài chính ngay sau khi UBND tỉnh có

quyết định giao dự toán ngân sách hằng năm, làm cơ sở để thực hiện phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp theo quy định.

- Các Chi cục Thuế khu vực gửi danh bạ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có sản xuất, kinh doanh khác do các Chi cục Thuế là cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật đến UBND cấp huyện, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch và phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thành phố ngay sau khi UBND các huyện, thành phố có quyết định giao dự toán ngân sách hằng năm, làm cơ sở để thực hiện phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp theo quy định.

- Kho bạc Nhà nước các cấp căn cứ danh sách doanh nghiệp do cơ quan Thuế gửi đến để thực hiện phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, cơ quan Thuế có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính làm căn cứ thực hiện phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp theo quy định.

- Đối với một số khoản thu đặc thù, như: Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu; Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải,... cơ quan Thuế phối hợp với Kho bạc Nhà nước các cấp hướng dẫn kê khai, nộp thuế đúng mục lục ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách theo quy định.

5. Chế độ báo cáo tình hình, kết quả thu ngân sách:

- Định kỳ hằng tháng vào ngày 05, Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với Cục Hải quan Hà Nam Ninh báo cáo tình hình thu ngân sách nhà nước (số lũy kế đến hết tháng trước) trên địa bàn, trong đó chi tiết tình hình, kết quả thu của từng đơn vị thu, của các doanh nghiệp có số nộp NSNN lớn (tên doanh nghiệp, số thuế phát sinh phải nộp, số nợ thuế, số thuế đã nộp, số thuế chưa nộp, lý do chưa nộp, số nợ thuế, giải pháp thu nợ đọng thuế...); so sánh tốc độ tăng, giảm với cùng kỳ năm trước; phân tích nguyên nhân biến động số thu (tăng, giảm). Riêng tháng 12, yêu cầu báo cáo hằng tuần, tuần cuối tháng 12 yêu cầu báo cáo hằng ngày, đề xuất giải pháp, báo cáo UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo.

- Định kỳ hằng quý (chậm nhất là ngày 05 của tháng đầu quý sau), Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh căn cứ số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn để xác định số thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng theo quy định, báo cáo UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo công tác thu ngân sách đảm bảo số thu cân đối ngân sách tỉnh. Riêng tháng 10 và tháng 11, yêu cầu báo cáo hằng tháng; tháng 12, yêu cầu cập nhật báo cáo hằng tuần.

- Đối với thu tiền sử dụng đất: Hằng tháng UBND các huyện, thành phố lập báo cáo chi tiết việc giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất chi tiết từng xã, phường, thị trấn (*riêng đối với các khu đất thực hiện phân chia ngân sách cấp tỉnh 100% tại Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về việc phân bổ ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2023 và Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, báo cáo tên khu đất, diện tích đấu giá, chi phí liên quan, nguồn thu đấu giá từ các khu đất, số tiền đã*

nộp ngân sách nhà nước) báo cáo UBND tỉnh và gửi Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 5. Tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách nhà nước

Tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách nhà nước theo đúng quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn thi hành và Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2023 và các văn bản có liên quan. Trên cơ sở dự toán ngân sách được giao, các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách theo chỉ tiêu biên chế, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, đồng thời tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/BCSD ngày 08/01/2018 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về tăng cường quản lý chi tiêu Ngân sách nhà nước, thực hành tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 11/01/2018 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/BCSD ngày 08/01/2018 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh. Cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định. Trong đó lưu ý một số nội dung sau:

1. Đối với các nhiệm vụ chi, trong điều hành cần căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thực hiện thu ngân sách thực tế để thực hiện, trường hợp dự kiến giảm thu so với dự toán thì phải chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thật sự cần thiết để ưu tiên các nhiệm vụ cấp bách.

2. Đối với nhiệm vụ đột xuất phát sinh ngoài dự toán:

- Đối với nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng với mức độ nghiêm trọng, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác mà sau khi sắp xếp lại ngân sách đã giao, sử dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn: UBND các huyện, thành phố có văn bản báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, giải quyết.

- Đối với các nhiệm vụ phát sinh khác: Các nhiệm vụ đã có ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh thì Sở Tài chính tham mưu, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. Các nhiệm vụ khác, đơn vị chủ động sắp xếp lại các khoản chi trong dự toán được giao để thực hiện; nếu sau khi đã sắp xếp lại các khoản chi mà vẫn chưa đủ nguồn kinh phí để thực hiện, các đơn vị tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính), kèm theo hồ sơ và thuyết minh chi tiết để xem xét, giải quyết. Việc báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh phải thực hiện *trước ngày 20/12/2023*, nếu sau thời hạn trên các đơn vị không có báo cáo thì coi như không có nhu cầu thực hiện (*không bao gồm các nhiệm vụ thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh phát sinh từ ngày 20/12/2023 trở về sau*).

3. Đối với các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao chủ trì thực hiện các chủ trương của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh, chương trình, đề án, kế hoạch, quyết định của UBND tỉnh, các chương trình mục tiêu quốc gia; căn cứ nguồn kinh phí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, khẩn trương xây dựng dự toán phân bổ kinh phí, trong đó thuyết minh rõ khối lượng, nội dung công việc, tiến độ triển khai,

cơ sở tính toán, cam kết huy động các nguồn lực ngoài ngân sách; đồng thời xây dựng phương án phân bổ các nhiệm vụ chi tiết đến các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách (nếu có), gửi Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan xin ý kiến đề thống nhất báo cáo UBND tỉnh quyết định giao dự toán chi tiết theo quy định.

4. Các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với cơ quan tài chính thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, ngân sách cấp dưới; quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch, vay nợ trong hạn mức được giao; hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán, các trường hợp ứng thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; quản lý các khoản chi đầu tư, xây dựng cơ bản (XDCCB), mua sắm, sửa chữa chặt chẽ, đúng quy định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa có chủ trương ban hành; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm.

Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm xây dựng nền hành chính quốc gia hiện đại, kết nối thông suốt, đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý chi ngân sách nhà nước. Chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng và các nhiệm vụ mới tăng thêm trong năm 2023, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và tiền lương, không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người và chính sách an sinh xã hội theo chế độ.

5. Đối với nhu cầu kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện các chế độ, chính sách:

a) Các huyện, thành phố chủ động sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh và cân đối nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các chế độ, chính sách, nhất là các chính sách an sinh xã hội do Trung ương và tỉnh ban hành, đảm bảo phân bổ đúng chính sách, chế độ, chi trả kịp thời, đúng đối tượng. Đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn giao thông từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu được chi cho các nhiệm vụ đảm bảo an toàn giao thông tại địa phương, không thực hiện hỗ trợ lực lượng công an tại địa phương do Bộ Công an đảm bảo kinh phí cho lực lượng này.

Trường hợp nhu cầu kinh phí lớn, vượt quá khả năng cân đối của ngân sách huyện, thành phố, các huyện, thành phố báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, giải quyết. Kết thúc năm thực hiện quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

b) Trước ngày 31/3/2024, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện năm 2023 đối với các chính sách an sinh xã hội do Trung ương và tỉnh ban hành (có xác nhận của Kho bạc nhà nước), trong đó chi tiết từng chế độ, chính sách gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

Điều 6. Thực hiện phân bổ, cấp phát, thanh toán kinh phí

1. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 được Ủy ban nhân dân giao, đơn vị dự toán cấp I thực hiện phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc theo mẫu B phụ lục 2 (*kèm theo mẫu biểu số 48 và mẫu biểu số 49 phụ lục 1 chi tiết theo từng nội dung nhiệm vụ chi*) ban hành kèm theo Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, đồng thời gửi cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (gửi bản chi tiết theo từng đơn vị sử dụng ngân sách) để thực hiện.

Đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh tổng hợp kết quả phân bổ dự toán, đồng thời thuyết minh kết quả phân bổ dự toán thu, chi năm 2023 theo *Phụ lục số 02 đính kèm* gửi Sở Tài chính chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách. Chịu trách nhiệm đối với việc phân bổ và giao dự toán cho đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý.

Trường hợp phát hiện việc giao dự toán của đơn vị dự toán cấp I không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi của dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao hoặc không đúng chính sách, chế độ quy định, cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại dự toán đã giao. Chậm nhất trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan tài chính, đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại theo ý kiến của cơ quan tài chính và gửi quyết định giao dự toán điều chỉnh cho cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch theo quy định.

Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với yêu cầu của cơ quan tài chính thì đơn vị dự toán cấp I báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính. Trong thời gian chờ quyết định của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị không được phép chi đối với số dự toán chi ngân sách cơ quan tài chính yêu cầu điều chỉnh lại.

Ngoài ra, trường hợp các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân cùng cấp cho phép thực hiện, căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật và tình hình thực tế, sau khi Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc và dự kiến nhiệm vụ giao cho các đơn vị để thực hiện giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc; đồng thời, trong quyết định giao dự toán ghi rõ các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân cho phép thực hiện đồng thời gửi cho cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi và chỉ được thực hiện khi được cấp

có thẩm quyền giao nhiệm vụ. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh trường hợp có đơn vị thừa, đơn vị thiếu kinh phí, thì đơn vị dự toán cấp I thực hiện việc điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị trực thuộc theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Căn cứ dự toán ngân sách năm được giao, các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán ngân sách để chi theo chế độ quy định và đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiến độ, khối lượng thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc:

a) Các khoản chi thanh toán cá nhân (lương, phụ cấp lương, trợ cấp xã hội,...) đảm bảo thanh toán chi trả từng tháng cho các đối tượng hưởng lương, trợ cấp từ ngân sách nhà nước; thực hiện nghiêm túc việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ Ngân sách nhà nước theo đúng quy định hiện hành Trích nộp các khoản đóng góp (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

b) Những khoản chi có tính chất thời vụ hoặc chi phát sinh vào một số thời điểm như đầu tư XD CB, mua sắm, sửa chữa và các khoản chi có tính chất không thường xuyên khác: thực hiện thanh toán theo tiến độ, khối lượng thực hiện đối với các khoản chi có hợp đồng và thực hiện thanh toán theo chế độ quy định đối với các khoản chi không có hợp đồng; đảm bảo việc chi ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao và tiến độ thu ngân sách.

3. Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước theo Điều 24 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Điều 7. Chi bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thành phố bằng hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước

1. Đối với bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho các huyện, thành phố được giao tại Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 1116/QĐ-UBND*), phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố chủ động thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước theo nguyên tắc hằng tháng không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối cả năm.

Riêng tháng 01 do nguồn thu còn thấp và nhiệm vụ chi lớn nên mức rút dự toán cao hơn các tháng khác, song không được vượt quá 12% tổng mức bổ sung cân đối cả năm. Phần còn lại được chia đều cho 11, hằng tháng mức rút dự toán không vượt quá 1/11 của phần còn lại sau khi trừ đi số đã rút của tháng 1 và hạch toán vào khoản thu, chi bổ sung cân đối.

Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán bổ sung cân đối, UBND các huyện, thành phố có văn bản báo cáo UBND tỉnh và Sở Tài chính xem xét, giải quyết. Sau khi có ý kiến đồng ý của UBND tỉnh, giao Sở Tài chính thông báo cho UBND các huyện, thành phố mức tăng tiến độ rút dự toán bổ sung cân đối; Căn cứ vào thông báo của Sở Tài chính, phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, đồng thời Kho bạc Nhà nước thực hiện và trừ vào tổng mức bổ sung cân đối, các tháng tiếp theo vẫn cho rút dự toán theo mức bình quân trên cho đến khi hết dự toán.

2. Đối với bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho các huyện, thành phố theo dự toán được giao tại Quyết định số 1116/QĐ-UBND và các khoản bổ sung có mục tiêu phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách:

- Đối với bổ sung có mục tiêu theo dự toán được giao tại Quyết định số 1116/QĐ-UBND: Căn cứ tiến độ thu ngân sách tỉnh, Sở Tài chính thông báo mức rút bổ sung cụ thể cho UBND các huyện, thành phố. Căn cứ vào thông báo của Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thành phố thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

- Đối với các khoản bổ sung có mục tiêu phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách: Sau khi có quyết định cấp bổ sung kinh phí của UBND tỉnh, giao Sở Tài chính thông báo bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố. Căn cứ vào thông báo của Sở Tài chính, phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thành phố thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

3. Trường hợp trong năm ngân sách tỉnh ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư năm sau cho ngân sách huyện, thành phố, khi rút dự toán ứng trước phải hạch toán thu, chi vào ngân sách năm sau theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Căn cứ vào các khoản bổ sung có mục tiêu UBND tỉnh đã giao, UBND các huyện, thành phố thực hiện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đảm bảo đúng mục tiêu. Các huyện, thành phố thực hiện lồng ghép các nguồn vốn chương trình mục tiêu trên địa bàn theo chế độ quy định để phát huy hiệu quả sử dụng ngân sách; ngoài nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh, các huyện, thành phố chủ động bố trí ngân sách cấp mình và các nguồn tài chính hợp pháp để thực hiện.

Trong quá trình điều hành ngân sách, UBND các huyện, thành phố được bổ sung kinh phí có mục tiêu cần khẩn trương phân bổ và sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, kịp thời, có hiệu quả; không thực hiện việc chuyển nguồn sang năm sau không đúng quy định.

Kết thúc năm ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố tổng hợp báo cáo tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh về Sở Tài chính. Trường hợp số đã rút dự toán đối với các nhiệm vụ chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố còn dư hoặc hết nhiệm vụ chi, các địa phương kịp thời hoàn trả ngân sách tỉnh theo

quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính. Thời hạn hoàn trả trong phạm vi 30 ngày kể từ khi xác định kinh phí còn dư hoặc hết nhiệm vụ chi theo quy định.

5. Kho bạc Nhà nước các cấp:

- Căn cứ giấy rút dự toán ngân sách của cơ quan tài chính đối với bổ sung cân đối, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch kiểm tra tổng mức bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho các huyện, thành phố được giao tại Quyết định số 1116/QĐ-UBND, trong giới hạn rút vốn hằng tháng, sau đó hạch toán chi bổ sung cân đối ngân sách cấp trên, thu bổ sung cân đối ngân sách cấp dưới theo đúng Mục lục ngân sách nhà nước.

- Căn cứ vào thông báo của Sở Tài chính đối với các khoản bổ sung có mục tiêu, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch kiểm tra các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho các huyện, thành phố được giao tại Quyết định số 1116/QĐ-UBND và các Quyết định của UBND tỉnh phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện, sau đó hạch toán chi bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên, thu bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp dưới như quy định đối với các khoản bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

- Định kỳ hằng tháng, chậm nhất vào ngày 15 của tháng sau, Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện, thành phố thực hiện tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về kết quả rút dự toán chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới của tháng trước. Trường hợp phát hiện việc rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu của cơ quan tài chính không đúng quy định, Kho bạc Nhà nước có văn bản thông báo cho cơ quan tài chính biết, đồng thời tạm dừng việc rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

Điều 8. Đối với bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện cho cấp xã: Thực hiện như quy định đối với các khoản bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện.

Điều 9. Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản

1. Tất cả các dự án được giao kế hoạch đầu tư XDCB năm 2023 chỉ được thực hiện khối lượng theo mức vốn kế hoạch giao, để không phát sinh nợ đọng XDCB. Các chủ đầu tư tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn giao. Các chủ đầu tư sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng theo quy định của hợp đồng; hoàn thành nghiệm thu khối lượng để thực hiện thu hồi số vốn đã tạm ứng theo đúng thời hạn đã được quy định. Đối với những công trình, dự án thực hiện không đúng tiến độ phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2023 nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

2. Việc quản lý sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

3. Nhập dự toán chi đầu tư XDCB vào Hệ thống TABMIS để Kho bạc nhà nước thanh toán cho các dự án:

Trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư XDCB được giao, tiến độ thu ngân sách nhà nước và nhu cầu thanh toán vốn của các chủ đầu tư, Sở Tài chính cân đối nguồn vốn đầu tư XDCB, thông báo vốn cho các chủ đầu tư và Kho bạc nhà nước nơi thanh toán chi tiết cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (Loại, Khoản) theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục ngân sách. Đồng thời tổ chức nhập dự toán chi đầu tư XDCB vào hệ thống TABMIS cho từng dự án.

Trong trường hợp số thu tiền sử dụng đất, tiền xổ số kiến thiết và các nguồn thu khác (nếu có) gắn với nhiệm vụ chi cụ thể dự kiến không hoàn thành dự toán, đồng thời ngân sách địa phương không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác, UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh phương án thực hiện cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ các nguồn thu này.

Đối với dự án sử dụng nguồn vốn vay theo khoản 5 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước đã được HĐND tỉnh quyết định thì việc thông báo và nhập dự toán chi vào Hệ thống TABMIS kế hoạch vốn của các dự án căn cứ theo Thông báo mức vốn vay của Bộ Tài chính, Hợp đồng vay vốn giữa tỉnh và đơn vị cho vay vốn được ký kết, số vốn vay đã thực thu vào ngân sách tỉnh, quyết định phân bổ vốn của UBND tỉnh và nhu cầu vốn của chủ đầu tư.

4. Đối với các dự án được giao kế hoạch vốn chưa có mã số dự án: Các chủ đầu tư làm thủ tục cấp mã số dự án theo quy định tại Thông tư 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách. Hồ sơ đề nghị cấp mã số dự án gửi về Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Bình hoặc đăng kí cấp mã số dự án trực tuyến trên trang web của Bộ Tài chính theo địa chỉ <https://mstt.mof.gov.vn> hoặc Công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo địa chỉ <https://dichvucong.ninhbinh.gov.vn>.

5. Trước ngày 28 tháng cuối quý, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước và các chủ đầu tư báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện, giải ngân vốn XDCB đối với các dự án của tỉnh sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Điều 10. Nguồn thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý được sử dụng cho chi đầu tư phát triển thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương. Thực hiện việc bố trí kinh phí cho việc đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tổng thể đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, hoàn thiện hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Ninh Bình.

Nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết trong dự toán ngân sách địa phương được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên cho lĩnh vực giáo dục -

đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, lĩnh vực y tế; phần còn lại các huyện, thành phố ưu tiên bố trí thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển quan trọng, cấp bách khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách huyện, thành phố. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết so với dự toán HĐND tỉnh giao, UBND các huyện, thành phố chủ động lập phương án phân bổ chi đầu tư cho các công trình quan trọng của địa phương, trong đó ưu tiên cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế và nông nghiệp, nông thôn, ứng phó với biến đổi khí hậu, báo cáo Thường trực HĐND quyết định và báo cáo HĐND cùng cấp kết quả thực hiện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 11. Thực hiện cơ chế tạo nguồn để thực hiện chế độ tiền lương, trợ cấp trong năm 2023

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, điều chỉnh mức tiền lương cơ sở lên mức 1,8 triệu đồng/tháng theo quy định tại Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội. Các cơ quan, đơn vị khối tỉnh và UBND các huyện, thành phố tiếp tục thực hiện cơ chế tài chính tạo nguồn để thực hiện chế độ cải cách tiền lương theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. Trường hợp có khó khăn về nguồn để thực hiện chế độ cải cách tiền lương, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, giải quyết.

Điều 12. Thực hiện điều chỉnh dự toán đơn vị sử dụng ngân sách

1. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I được cấp có thẩm quyền giao bổ sung dự toán để thực hiện nhiệm vụ phát sinh, chậm nhất 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được quyết định giao bổ sung dự toán), đơn vị dự toán cấp I phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp có yêu cầu điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc mà không làm thay đổi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao, đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm xem xét sự cần thiết, căn cứ điều chỉnh, kiểm tra số dư dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách có liên quan, quyết định điều chỉnh dự toán, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra theo quy định và thực hiện điều chỉnh dự toán trên hệ thống TABMIS, đồng gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch làm căn cứ kiểm soát chi, thanh toán. Trường hợp cơ quan tài chính kiểm tra, không thống nhất với việc điều chỉnh của đơn vị dự toán cấp I hoặc kiểm tra không còn đủ số dư dự toán để điều chỉnh, thì trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định điều chỉnh dự toán của đơn vị dự toán cấp I, cơ quan tài chính thông báo cho đơn vị dự toán cấp I để điều chỉnh lại hoặc bổ sung hồ sơ, giải trình (nếu cần). Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với yêu cầu của cơ quan tài chính, thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

3. Trường hợp điều chỉnh dự toán từ kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ sang kinh phí thực hiện chế độ tự chủ; kinh phí chi thường xuyên không giao tự

chủ sang kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ; kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ sang kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và ngược lại; điều chỉnh tăng hoặc giảm dự toán của nhiệm vụ chi trong phạm vi dự toán kinh phí được giao nhưng đã được ghi chú kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi trong quyết định giao dự toán đầu năm hoặc quyết định giao dự toán bổ sung trong năm của Ủy ban nhân dân các cấp, đơn vị phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp để đảm bảo việc phân bổ kinh phí thực hiện được các nhiệm vụ được giao trước khi ban hành quyết định điều chỉnh dự toán. Thời hạn đơn vị gửi cơ quan tài chính đề nghị điều chỉnh dự toán chậm nhất trước ngày 30 tháng 10 năm 2023.

4. Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra và điều chỉnh trên hệ thống TABMIS theo quy định.

5. Việc điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công.

6. Việc xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước:

6.1. Nếu có số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp tăng so với dự toán được giao (trừ tăng thu theo quy định tại khoản 13 Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021 của HĐND tỉnh) sau khi thực hiện cấp lại cho ngân sách cấp dưới (nếu có), trích lập nguồn để thực hiện chế độ cải cách tiền lương theo quy định, phần vượt thu còn lại và số tiết kiệm chi ngân sách so với dự toán, cơ quan Tài chính (cấp tỉnh, cấp huyện) lập phương án sử dụng đối với từng nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên tại khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước trình UBND cùng cấp, báo cáo Thường trực HĐND quyết định và báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp gần nhất; đối với cấp xã, bộ phận tài chính, kế toán xã trình UBND cấp xã thống nhất với Chủ tịch và Phó chủ tịch HĐND cấp xã quyết định. Đối với số tăng thu ngân sách địa phương do có phát sinh nguồn thu mới trong thời kỳ ổn định ngân sách thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước.

6.2. Trong trường hợp số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp không đạt dự toán, cơ quan Tài chính (cấp tỉnh, cấp huyện) xây dựng phương án điều chỉnh giảm chi tương ứng, tập trung cắt giảm hoặc giãn, hoãn những nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết trình UBND cùng cấp, báo cáo Thường trực HĐND quyết định và báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp gần nhất; đối với cấp xã, bộ phận tài chính, kế toán xã trình UBND cấp xã thống nhất với Chủ tịch và Phó chủ tịch HĐND cấp xã quyết định theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 13. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hằng quý, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố (*theo phụ lục số 01 kèm theo*). Trường hợp huyện, thành phố không thực hiện chế độ báo cáo hoặc báo cáo không đúng và đầy đủ theo quy định, Sở Tài chính tạm dừng cấp kinh phí bổ sung cho huyện, thành phố cho đến khi có báo cáo đầy đủ.

2. Báo cáo quyết toán năm

a) Đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh (đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách) cấp tỉnh gửi báo cáo quyết toán năm cho Sở Tài chính chậm nhất ngày 31/3/2024;

b) Đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh (có đơn vị trực thuộc) gửi báo cáo quyết toán năm cho Sở Tài chính chậm nhất ngày 29/4/2024;

c) UBND cấp huyện, cấp xã gửi báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước cho cơ quan tài chính cấp trên theo quy định tại Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh.

3. Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ: Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ; báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 theo mẫu biểu quy định, gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/3/2024.

Điều 14. Dự phòng ngân sách

1. Dự phòng ngân sách được sử dụng cho các nhiệm vụ sau:

a) Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán;

b) Chi hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng cấp mình để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;

c) Chi hỗ trợ các địa phương khác theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách:

- Đối với dự phòng ngân sách các cấp: Sau khi nhận được văn bản đề nghị bổ sung kinh phí (kèm theo dự toán chi tiết) của các cấp, các ngành các đơn vị, cơ quan Tài chính căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức thẩm định trình UBND cùng cấp quyết định sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình, định kỳ báo cáo Thường trực HĐND và báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

- Cơ quan Tài chính các cấp có trách nhiệm tổng hợp tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình báo cáo UBND cùng cấp để định kỳ báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp gần nhất. Đối với cấp xã, UBND xã báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND hằng quý và báo cáo HĐND cấp xã tại kỳ họp gần nhất.

Điều 15. Quản lý và sử dụng Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh

1. Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh đã được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Tài chính làm chủ tài khoản gửi tại Kho bạc Nhà nước và được Kho bạc Nhà nước trả lãi tiền gửi theo mức lãi suất mà Ngân hàng Nhà nước trả cho Kho bạc Nhà nước, khoản lãi này được bổ sung vào Quỹ.

2. Số dư của Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh không được vượt quá 25% dự toán chi ngân sách hằng năm của cấp tỉnh, không bao gồm số chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

3. UBND tỉnh quyết định sử dụng Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh để xử lý cân đối ngân sách trong các trường hợp:

- Cho ngân sách tạm ứng để đáp ứng các nhu cầu chi theo dự toán chi ngân sách khi nguồn thu chưa tập trung kịp và phải hoàn trả ngay trong năm ngân sách.

- Trường hợp thu ngân sách nhà nước hoặc vay để bù đắp bội chi không đạt mức dự toán được HĐND quyết định và cần thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng, với mức độ nghiêm trọng, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán; sau khi sắp xếp lại ngân sách, sử dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn, được sử dụng Quỹ dự trữ tài chính để đáp ứng các nhu cầu chi nhưng mức sử dụng trong năm tối đa không quá 70% số dư đầu năm của Quỹ. Việc sử dụng Quỹ dự trữ tài chính trong trường hợp này được thực hiện theo phương thức chuyển từ Quỹ dự trữ tài chính vào thu ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ chi đã được quyết định.

Điều 16. Xử lý số dư dự toán ngân sách

1. Thực hiện chuyển nguồn sang năm sau đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan và các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính về điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

2. Kho bạc Nhà nước căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính về điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, ý kiến của cơ quan tài chính, UBND cấp xã (đối với ngân sách cấp xã) thực hiện rà soát, xử lý chuyển số dư ngân sách nhà nước sang năm sau theo quy định.

Điều 17. Cấp lại số thu phần ngân sách tỉnh được hưởng cho ngân sách cấp huyện, cấp xã

1. Cấp lại số thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản:

1.1. Kết thúc năm 2023, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp số thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, chậm nhất ngày 15/01/2024 gửi báo cáo về Sở Tài chính (sau ngày 15/01/2024 nếu các huyện, thành phố chưa có văn bản gửi Sở Tài chính thì coi như không có nhu cầu cấp lại số thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản cho các huyện, thành phố).

1.2. Căn cứ Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao Sở Tài chính đối chiếu số liệu do các huyện, thành phố báo cáo với Cục Thuế tỉnh và Kho bạc Nhà nước tỉnh để xác định số thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và cấp lại cho các huyện, thành phố bằng hình thức thông báo trợ cấp bổ sung có mục tiêu cho UBND các huyện, thành phố xong trước ngày 20/01/2024.

2. Ngân sách tỉnh cấp lại số thu từ giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất cho các huyện, thành phố theo Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021 của HĐND tỉnh và khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 80/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

2.1. Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố căn cứ vào tiến độ thu của khoản thu từ giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất, tổng hợp số liệu, trong đó chi tiết số phân chia cho từng cấp ngân sách đến từng đơn vị (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước) và tham mưu cho UBND huyện, thành phố có văn bản gửi Sở Tài chính để thẩm định (sau ngày 15/01/2024 UBND các huyện, thành phố chưa có văn bản gửi Sở Tài chính thì coi như không có nhu cầu cấp lại số thu từ giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất).

2.2. UBND tỉnh giao Sở Tài chính thẩm định và cấp bổ sung có mục tiêu cho UBND các huyện, thành phố tương ứng với số tiền thu được từ giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất đã phân chia cho ngân sách tỉnh theo đúng quy định, xong trước ngày 20/01/2024 và tổng hợp kết quả chung toàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/01/2024.

3. Cấp lại số tăng thu dự toán các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương phần điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh do các huyện, thành phố thực hiện theo Điều 16 Quy định kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021 của HĐND tỉnh.

3.1. Kết thúc năm 2023, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp số liệu thu ngân sách nhà nước, nếu có số tăng thu phần điều tiết cho ngân sách tỉnh thì chậm nhất là ngày 15/01/2024 gửi báo cáo về Sở Tài chính (sau ngày 15/01/2024 nếu các huyện, thành phố chưa có Văn bản gửi Sở Tài chính thì coi như không có nhu cầu cấp lại phần vượt thu ngân sách tỉnh cho các huyện, thành phố).

3.2. UBND tỉnh giao Sở Tài chính đối chiếu số liệu do các huyện, thành phố báo cáo với Kho bạc Nhà nước tỉnh để xác định số tăng thu phần điều tiết cho ngân sách tỉnh so với dự toán được giao của từng huyện, thành phố và cấp lại cho các huyện, thành phố bằng hình thức thông báo trợ cấp bổ sung có mục tiêu cho UBND các huyện, thành phố xong trước ngày 20/01/2024.

Điều 18. Bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp tỉnh cho các huyện, thành phố từ nguồn thu tiền sử dụng đất của các khu đất trên địa bàn tỉnh thực hiện đấu giá, đấu thầu dự án lựa chọn chủ đầu tư có sử dụng đất và phân chia 100% cho ngân sách cấp tỉnh.

Khi thực hiện đấu giá, đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư có sử dụng đất, nộp số thu tiền sử dụng đất từ các khu đất này vào ngân sách nhà nước và điều tiết 100% về ngân sách cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố báo cáo, đề nghị UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) cấp bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh để thực hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan (nếu có) kèm theo các hồ sơ, tài liệu liên quan gồm: Bản xác nhận của Kho bạc nhà nước về số thu nộp NSNN của từng khu đất (tên khu đất, vị trí, diện tích, số tiền đấu giá thu được...); hồ sơ, tài liệu liên quan đến các chi phí,...

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp tỉnh từ nguồn thu tiền sử dụng đất của các khu đất nêu trên cho UBND các huyện, thành phố thực hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan (nếu có).

Điều 19. Kết dư ngân sách

1. Kết dư ngân sách cấp tỉnh được sử dụng để chi trả nợ gốc và lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước. Trường hợp còn kết dư ngân sách thì trích 50% vào Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh; trích 50% còn lại vào thu ngân sách năm sau; trường hợp Quỹ dự trữ tài chính đã đủ mức 25% dự toán chi ngân sách hằng năm thì số kết dư còn lại hạch toán vào thu ngân sách năm sau.

2. Kết dư ngân sách cấp huyện, cấp xã được hạch toán vào thu ngân sách năm sau.

Điều 20. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng

Ngoài việc thực hiện tiết kiệm các khoản chi thường xuyên theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này, các cấp, các ngành, các đơn vị tổ chức chỉ đạo thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành Luật. Xử lý kịp thời, đầy đủ những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách.

Điều 21. Thực hiện công khai tài chính, ngân sách nhà nước

1. Các cấp ngân sách thực hiện công khai tài chính, ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng

Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

2. Các đơn vị sử dụng ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Các cơ quan, đơn vị được sử dụng nguồn vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân thực hiện công khai theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11/3/2005 của Bộ Tài chính về việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện công khai theo quy định tại Mục 2 Chương XIV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Đối với các khoản hỗ trợ trực tiếp của nhà nước đối với cá nhân, dân cư việc công khai được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với cá nhân dân cư.

7. Việc công khai số liệu, báo cáo thuyết minh ngân sách được công khai trong chuyên mục công khai trên Trang/Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh. Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố lập chuyên mục công khai ngân sách trên Trang/Cổng thông tin điện tử để công khai số liệu, báo cáo thuyết minh ngân sách theo quy định, trong đó tạo lập các chuyên mục con theo các nội dung công khai sau:

- Dự toán ngân sách địa phương trình HĐND;
- Dự toán ngân sách địa phương đã được HĐND quyết định;
- Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương trong năm (hàng quý, 06 tháng, 09 tháng, năm);
- Quyết toán ngân sách địa phương đã được HĐND phê chuẩn;
- Tổng hợp tình hình công khai ngân sách.

8. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thiết lập trên Trang/Cổng thông tin điện tử của mình (đối với những đơn vị đã có Trang/Cổng thông tin điện tử), đồng thời chỉ đạo các đơn vị dự toán trực thuộc (đối với những đơn vị đã có Trang/Cổng thông tin điện tử) lập chuyên mục công khai ngân sách trên Trang/Cổng thông tin điện tử để công khai số liệu, báo cáo thuyết minh ngân sách theo quy định, trong đó tạo lập các chuyên mục con theo các nội dung công khai sau:

- Dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao;
- Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước trong năm (quý, 06 tháng, 09 tháng, năm);
- Quyết toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Tổng hợp tình hình công khai.

9. Đẩy mạnh việc đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những trường hợp trốn thuế, gian lận thuế, chây ỳ không nộp thuế đúng thời hạn theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Quy định này có hiệu lực thi hành trong năm ngân sách năm 2023, được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, những quy định trước đây của UBND tỉnh trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 23. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan và căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành quy định này./.